

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 18-6-2020  
V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Biên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Tài  
2. Ông Phạm Đức Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hà Vi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Ngọc Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Ngọc K**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

*Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân K**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2019 của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc K và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc K và anh Nguyễn Xuân K sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/4/2009. Việc chung sống với nhau là tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình sống chung giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần. Nguyên nhân do anh K thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm chăm sóc đến gia đình vợ con. Chị K và anh K đã không còn sống chung với nhau từ năm 2017 cho đến nay, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị K và anh K có 02 con chung là Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 18/01/2010 và Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 28/3/2014. Nay ly hôn chị K yêu cầu được nuôi 02 con chung là Nguyễn Phúc Gia B và Nguyễn Phúc Gia H cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị K không yêu cầu anh Nguyễn Xuân K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống chị K và anh K không có tài sản chung và không vay nợ của ai.

*Bị đơn anh Nguyễn Xuân K trình bày:* Thống nhất như chị K trình bày, về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị K, về con chung anh đồng ý giao 02 con chung cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do anh K có đơn đề nghị vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị K và anh K được ly hôn; Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị K được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 18/01/2010 và Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 28/3/2014 đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị K không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Xuân K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Xuân K nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc K và anh Nguyễn Xuân K sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/4/2009. Việc chung sống và kết hôn với nhau là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình sống chung giữa chị K và anh K đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, về kinh tế và về tình cảm vợ chồng. Anh K, chị K xác định vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2017. Nay tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn nữa và thống nhất ly hôn nhưng do anh K xin vắng mặt tại phiên hoà giải nên không hoà giải được. Tại phiên toà hôm nay, chị K cương quyết xin ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình sống chung giữa chị K và anh K không hạnh phúc, do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị K và anh K được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị K và anh Nguyễn Xuân K có 02 người con chung là Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 18/01/2010 và Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 28/3/2014. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay, các con chung do chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vẫn phát triển bình thường. Nay chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến khi đủ 18 tuổi. Xét cháu Nguyễn Phúc Gia B có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu Hân thì còn quá nhỏ. Hơn nữa, anh K cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Do vậy, để ổn định trong cuộc sống và học tập của các cháu nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần tiếp tục giao các con chung là Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 18/01/2010 và Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 28/3/2014 cho chị K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, chị K không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con chung nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K và anh K đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 143, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị K xin ly hôn nên buộc chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc K với bị đơn anh Nguyễn Xuân K.

Xử cho chị Phạm Thị Ngọc K với anh Nguyễn Xuân K được ly hôn.

2. Về con chung: Tiếp tục giao các con chung là Nguyễn Phúc Gia B, sinh ngày 18/01/2010 và Nguyễn Phúc Gia H, sinh ngày 28/3/2014 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, chị K không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con chung nên không xem xét.

*Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.*

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị K đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0019469 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, chị K đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Trần Văn Biên**